TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lù Văn Hùng**

2. Ông: **Vừ A Sinh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tùng Lâm – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HN&GĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 17/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị L**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Bản XL, xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (*Có mặt*).

Bị đơn: Anh **Lò Văn H**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Bản XL, xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16/7/2024 và bản tự khai của chị Lò Thị L ngày 03/7/2024 nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

- **Về hôn nhân**: Tôi và anh Lò Văn H tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và sống chung nhưng không đăng kí kết hôn vào năm 2005. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh Lò Văn H sống tại bản XL, xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống tôi và anh Lò Văn H sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Lò Văn H nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Mâu thuẫn quá lớn khiến đời sống hôn nhân không thể hòa hợp,

giữa tôi và anh Lò Văn H không thể tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn kéo dài nên từ năm 2021 đến nay tôi và anh Lò Văn H không sống cùng nhau nữa. Do không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với anh Lò Văn H nên chị Lò Thị L đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị L với anh Lò Văn H.

Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn H có 02 người con chung là các cháu Lò Thị Minh N, sinh ngày 01/12/2006 và cháu Lò Tất N, sinh ngày 02/12/2008. Về con chung chị Lò Thị L yêu cầu giải quyết như sau: Chị Lò Thị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu Lò Thị Minh N, cháu Lò Tất N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Lò Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Về án phí*:** Chị Lò Thị L có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

* Bị đơn – Anh Lò Văn H được triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Lò Thị Minh N và cháu Lò Tất N nguyện vọng của các cháu là muốn được ở với mẹ.

- Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lò Văn H; Biên bản xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị L tại bản XL, xã ML, huyện Mường Ảng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự ở giai đoạn sơ thẩm.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị L và anh Lò Văn H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao các cháu Lò Thị Minh N, sinh ngày 01/12/2006 và cháu Lò Tất N, sinh ngày 02/12/2008 cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng Lò Thị Lo động; Chị Lò Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Lò Văn H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Anh Lò Văn H được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Đương sự không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị L, do chị Lò Thị L là người dân tộc thiểu sống sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị L với anh Lò Văn H thì được xác định là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", nhưng chị Lò Thị L và anh Lò Văn H không có đăng ký kết hôn nên thuộc trường hợp "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị L nộp đơn ly hôn, anh Lò Văn H có nơi cư trú tại bản XL, xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Lò Thị L và bị đơn anh Lò Văn H. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án, tiến hành tống đạt theo đúng quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày bị đơn anh Lò Văn H không có ý kiến gì.

Ngày 15/6/2024 Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã tiến hành tống đạt theo quy định cho anh Lò Văn H nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh Lò Văn H không đến tham gia.

Ngày 03/7/2024 chị Lò Thị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Căn cứ vào khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải mà Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt Quyết định theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2024, Nguyên đơn là chị Lò Thị L có mặt, bị đơn là anh Lò Văn H vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 16/9/2024.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Lò Thị L có mặt; Bị đơn là anh Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lò Văn H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân của chị Lò Thị L và anh Lò Văn H được xác lập vào năm 2005, việc sống chung là do hai anh chị tự nguyện, đến thời điểm đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ trên lời khai của các đương sự, Tòa án cũng tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Mường Lạn, huyện Mường Ảng thì xác định chị Lò Thị L và anh Lò Văn H không có đăng ký kết hôn mặc dù đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, quan hệ của hai anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy, anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ chị Lò Thị L, anh Lò Văn H đã mâu thuẫn trầm trọng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xác định yêu cầu của chị Lò Thị L là có cơ sở để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị L và anh Lò Văn H.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị L cũng như nguyện vọng của cháu Lò Thị Minh N và cháu Lò Tất N thì thấy: Việc chị Lò Thị L muốn tự mình nhận nuôi 02 cháu Lò Thị Minh N, cháu Lò Tất N là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Hiện nay các cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu.

Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lò Thị Minh N và cháu Lò Tất N cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng Lò Thị Lo động.

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lò Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Xét thấy chị Lò Thị L là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, vì vậy Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Lò Thị L.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đưa ra đề nghị Lò Văn Hn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị L và anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị Minh N, sinh ngày 01/12/2006 và cháu Lò Tất N, sinh ngày 02/12/2008 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng Lò Thị Lo động. Chị Lò Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Lò Văn H có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị L có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Lò Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn H không có.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị L.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Lò Thị L có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Mường Lạn, h.Mường Ảng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân